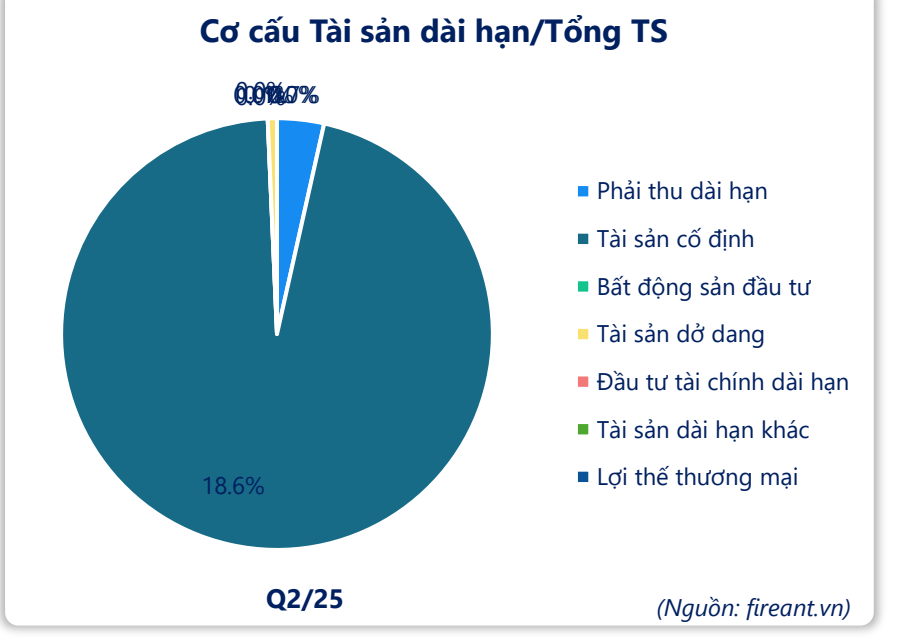
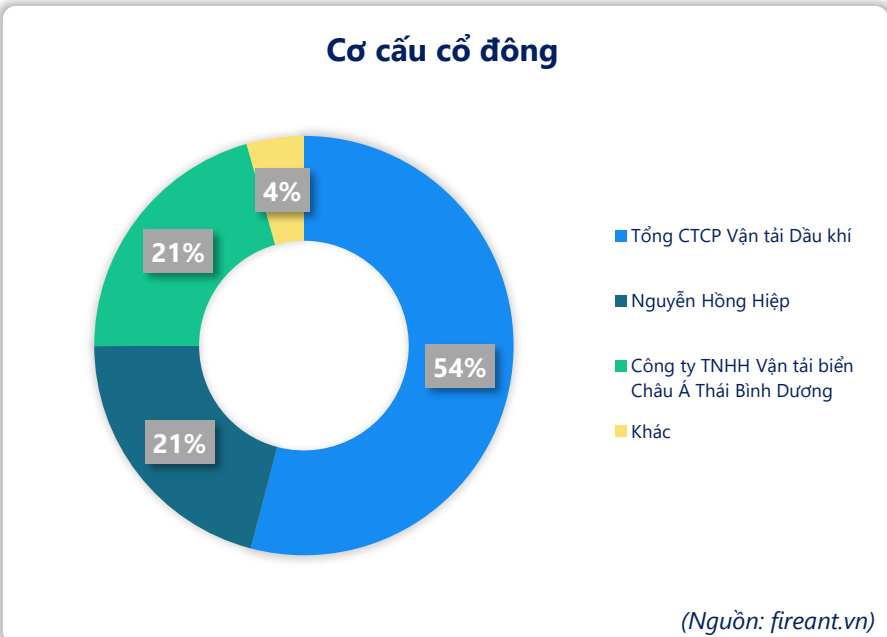
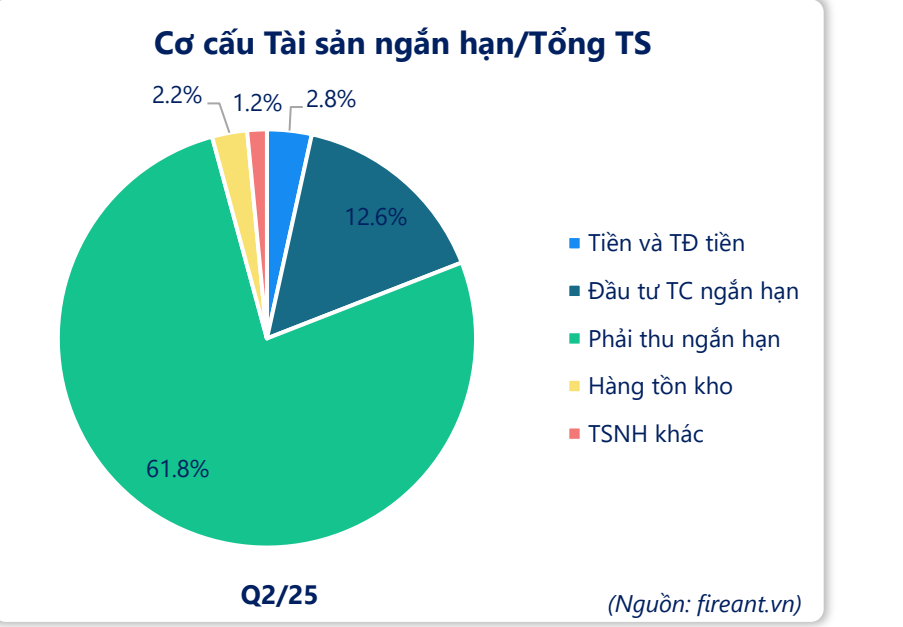
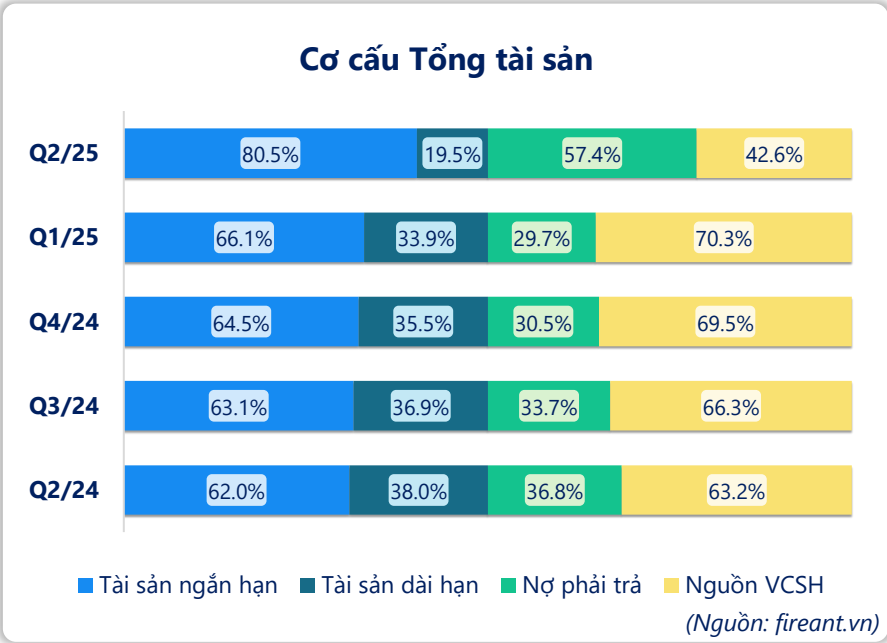
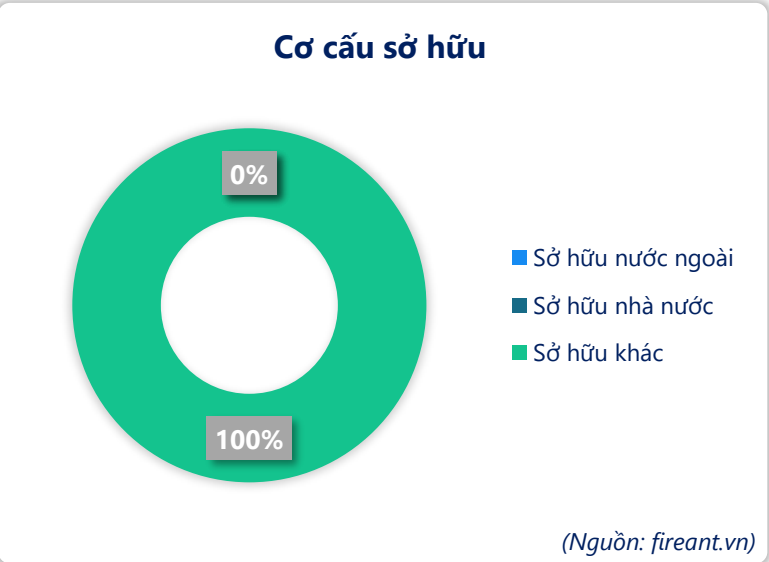
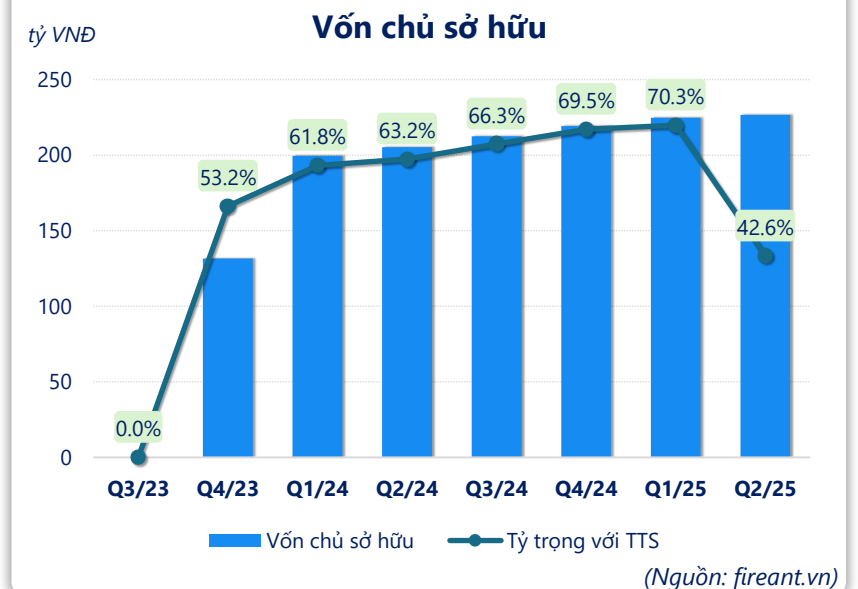
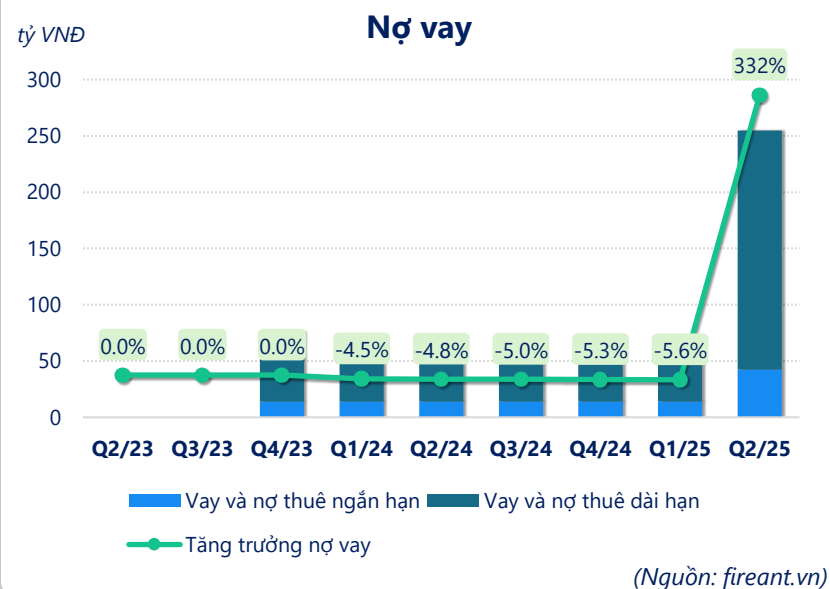
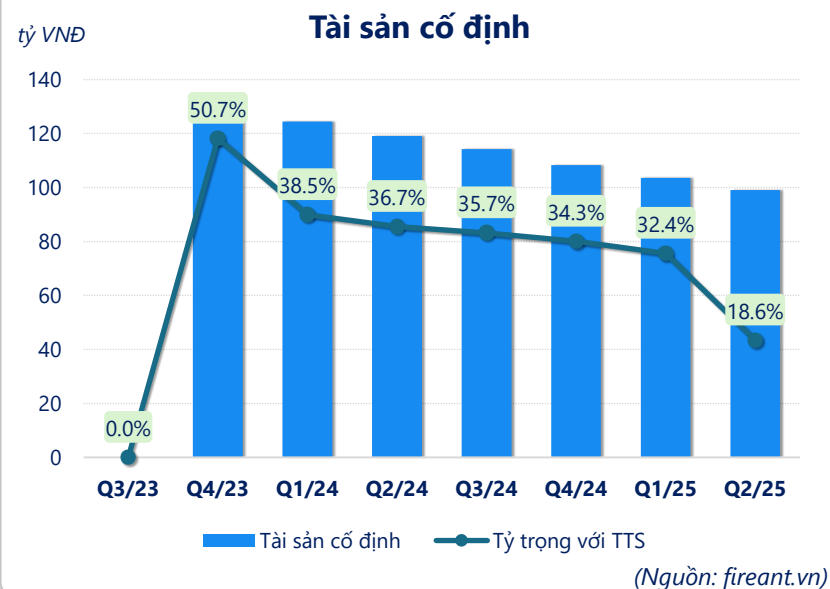
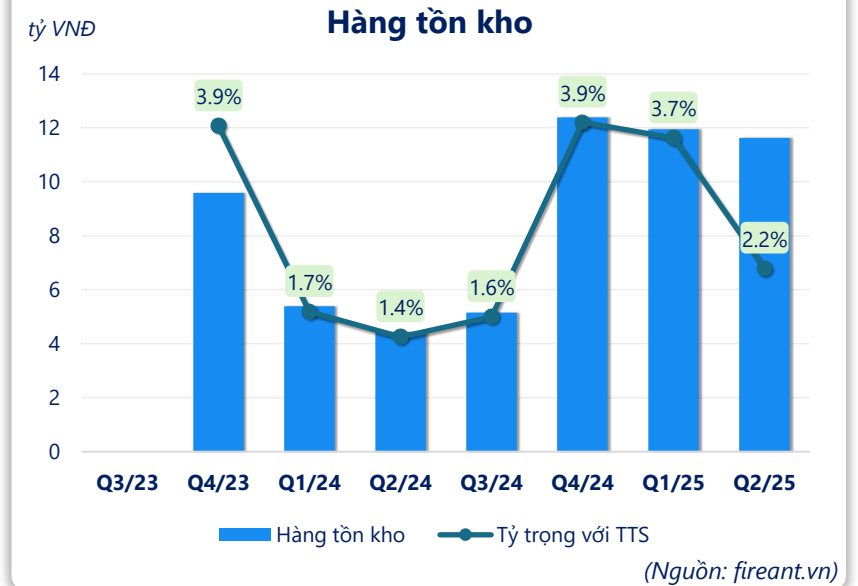
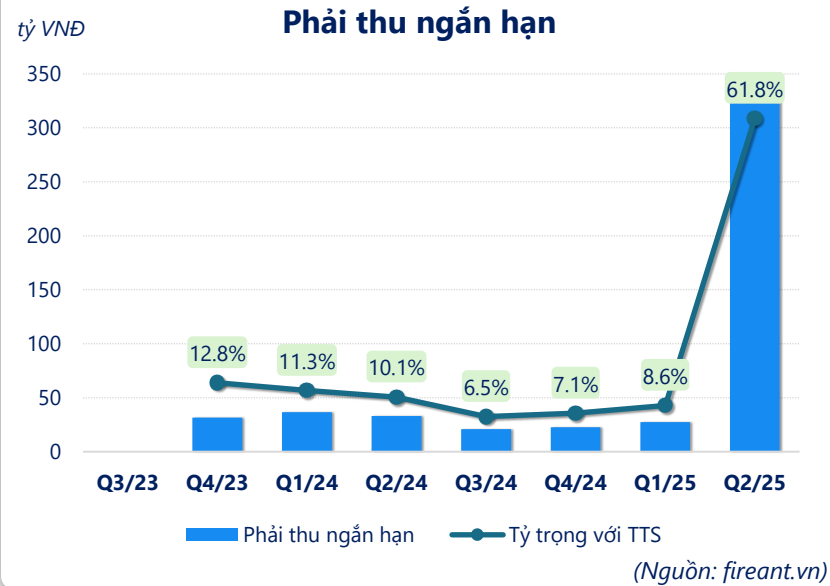
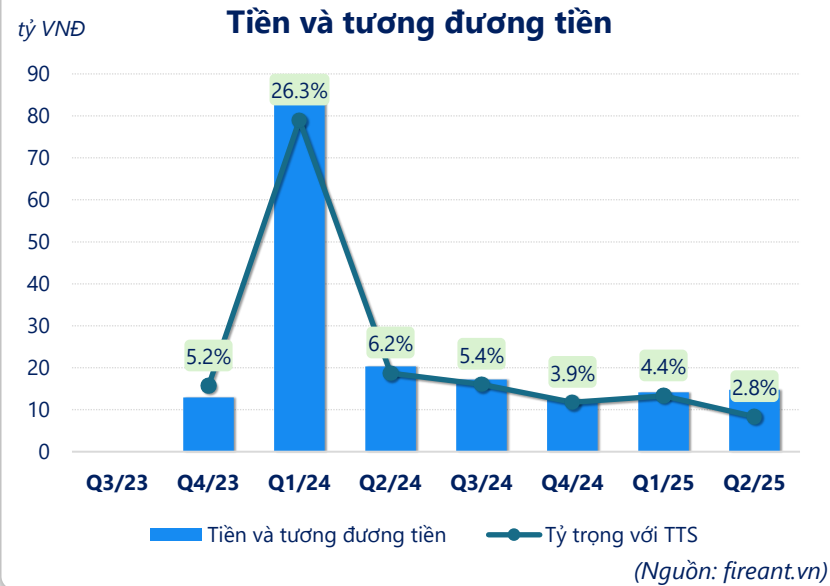
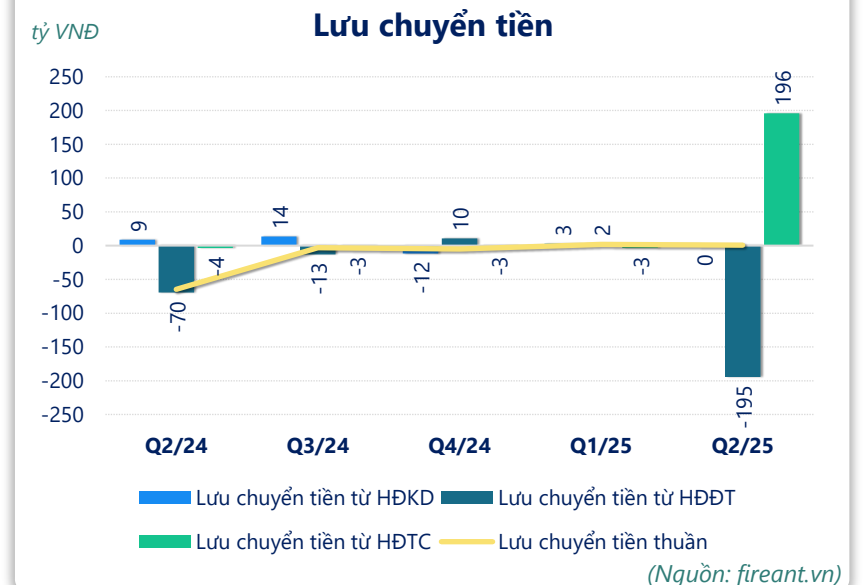
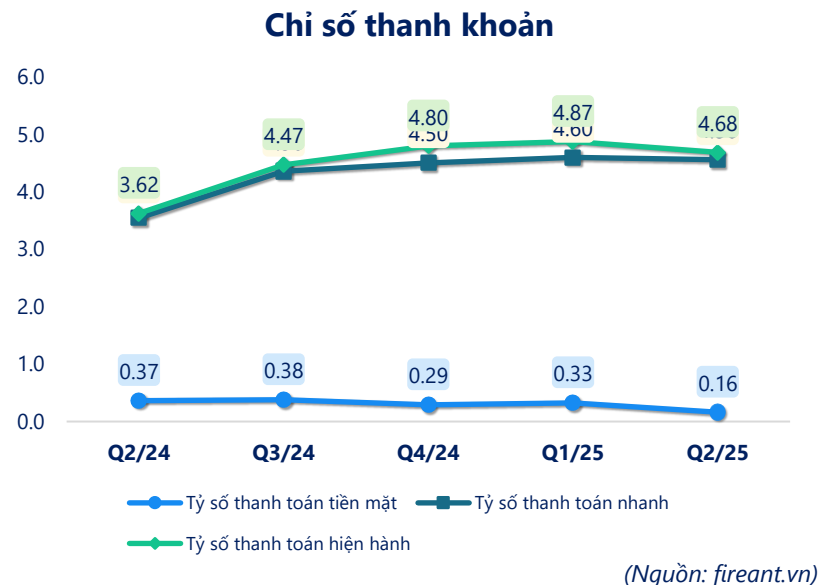
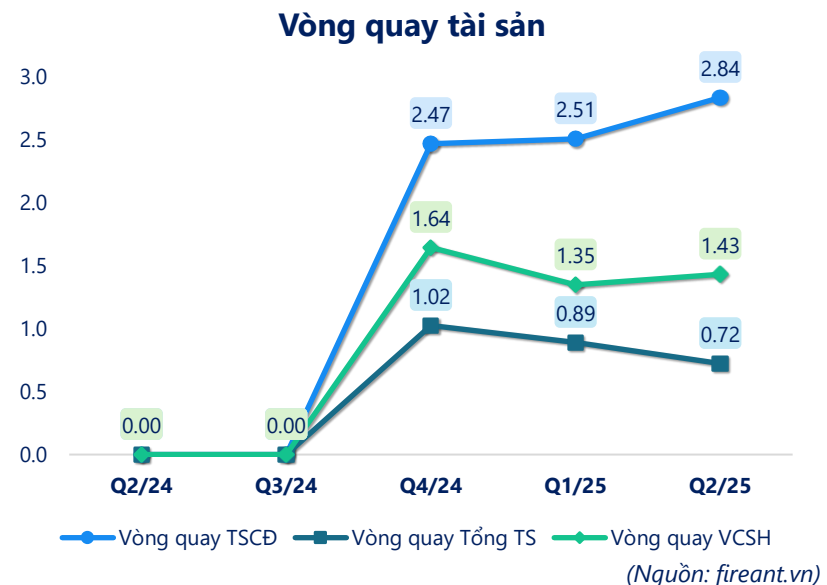
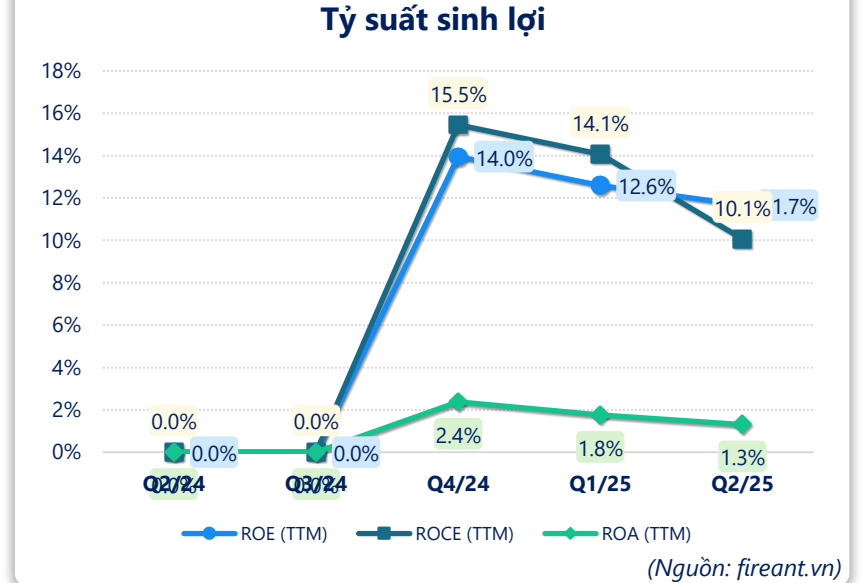
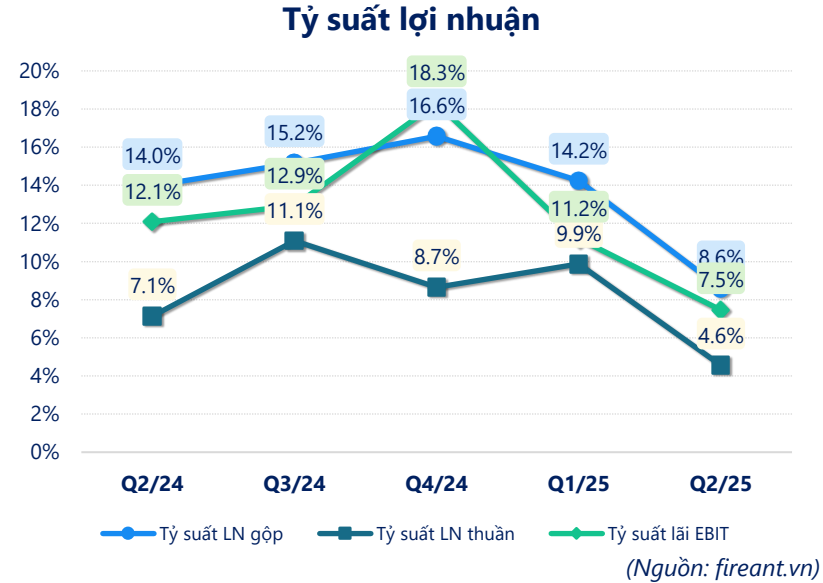
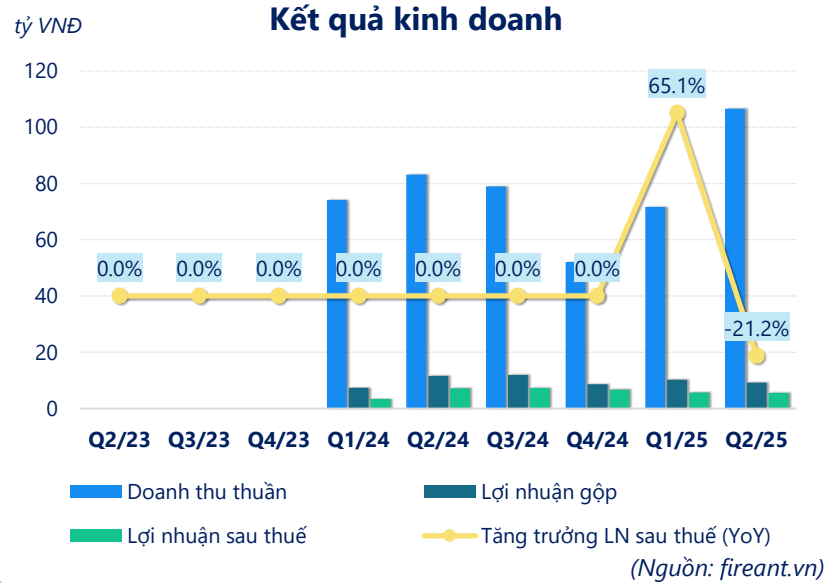


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,100
SL cổ phiếu LH		16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)		440
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		168
P/E		6.7
EPS		1,528

	YTD	1T	3T	6T
PTT	-10.5%	-2.9%	-3.8%	-1.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	532	315	68.6%
Tài sản ngắn hạn	428	204	110%
Tiền và tương đương tiền	14.8	12.3	19.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	67.0	152	-55.9%
Phải thu ngắn hạn	329	22.5	1359%
Hàng tồn kho	11.6	12.4	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.49	4.32	50.2%
Tài sản dài hạn	103	112	-7.5%
Phải thu dài hạn	3.63	3.27	11.0%
Tài sản cố định	99.1	108	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.71	0.35	106%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.02	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	96.3	217%
Nợ ngắn hạn	91.5	42.4	116%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.4	13.9	205%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.0	17.0	47.0%
Nợ dài hạn	214	53.8	297%
Vay và nợ thuê dài hạn	212	48.6	337%
Nguồn vốn chủ sở hữu	227	219	3.5%
Vốn chủ sở hữu	227	219	3.5%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	83.1	78.9	52.1	71.7	107
Giá vốn hàng bán	71.5	67.0	43.5	61.5	97.4
Lợi nhuận gộp	11.6	12.0	8.64	10.2	9.17
Doanh thu HĐTC	2.10	2.01	2.31	2.30	1.72
Chi phí TC	4.30	1.14	1.10	1.02	0.94
Chi phí lãi vay	1.13	1.09	1.06	0.95	0.94
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.47	4.09	5.33	4.41	5.10
LN thuần từ HĐKD	5.93	8.75	4.51	7.08	4.85
Lợi nhuận khác	2.99	0.38	3.97	0	2.16
LN trước thuế	8.92	9.13	8.48	7.08	7.01
Lợi nhuận sau thuế	7.12	7.27	6.68	5.65	5.59
LNST của CĐ cty mẹ	7.12	7.27	6.68	5.65	5.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.54	13.5	-11.8	3.26	-0.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-69.6	-13.2	10.4	2.01	-195
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.66	-3.47	-3.47	-3.47	196
Tiền đầu kỳ	85.0	20.3	17.2	12.3	14.1
Lưu chuyển tiền thuần	-64.7	-3.14	-4.80	1.79	0.64
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.3	17.2	12.3	14.1	14.8

(Nguồn: fireant.vn)